SAO Y; SỞ TƯ PHÁP; Thời gian ký: 2026-09-30T09:16:42+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79 /2026/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 261/TTr-SKHCN ngày 08 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Ngoài các quy định tại điểm a khoản này, đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được phê duyệt sau ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì việc ký hợp đồng, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 3 Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Công báo điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, HCC, HCQT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Quốc Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2026/QĐ-UBND ngày28 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quy định chi tiết khoản 7 Điều 10; khoản 8 Điều 12; khoản 5 Điều 17; khoản 3 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Các nội dung không quy định trong Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, gồm các nội dung:

a) Tiếp nhận, rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại điểm a và điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Công khai kết quả phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Xem xét việc điều chỉnh tên tổ chức đề xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

đ) Ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

e) Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

g) Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

h) Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

i) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

k) Giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu và thu hồi kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại các khoản 3, 5, 7 và 8 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

l) Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, gồm các nội dung:

a) Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, xử lý, lưu trữ hồ sơ đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và thông báo bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

c) Xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

d) Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

đ) Ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

e) Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

g) Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

h) Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

i) Xác định định hướng đặt hàng và công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

k) Xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 8 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

l) Việc thông báo, xét duyệt để giao trực tiếp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Nội dung, biểu mẫu và trình tự thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trình tự, nội dung thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Căn cứ quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, nội dung thực hiện thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Định kỳ hoặc đột xuất Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng đặt hàng gửi các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh để nghiên cứu, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý phù hợp với ngành, lĩnh vực gửi đề xuất đến Sở Khoa học và Công nghệ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; phiếu đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-01-PĐHNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức việc tiếp nhận, tổng hợp các đặt hàng theo từng nhóm lĩnh vực và tổ chức lấy ý kiến Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng;

d) Căn cứ vào kết quả rà soát của Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ đăng thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký phải bảo đảm đủ thời gian để các tổ chức, cá nhân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

Điều 5. Thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên là chuyên gia phản biện và các ủy viên khác. Thành phần của Hội đồng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có); giúp việc cho Hội đồng có thư ký hành chính.

2. Trình tự làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng:

a) Hội đồng họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến; thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền) điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của Hội đồng; phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền và các chuyên gia phản biện;

c) Hội đồng bầu 01 ủy viên không phải là chuyên gia phản biện làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Hội đồng và bầu ban kiểm phiếu gồm 03 ủy viên thuộc Hội đồng, trong đó có 01 trưởng ban;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ trình bày tóm tắt trước Hội đồng các nội dung của nhiệm vụ;

đ) Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

e) Các thành viên trình bày ý kiến nhận xét hồ sơ nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-02-PNXNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; nhận xét hồ sơ cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-03-PNXCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

g) Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

h) Các thành viên đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm quy định tại phiếu đánh giá nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-04-PĐGNV, phiếu đánh giá cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-05-PĐGCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

i) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng, lập biên bản kiểm phiếu theo Biểu mẫu BM-06-BBKP và Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu đánh giá hồ sơ theo Biểu mẫu BM-07-KQKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

k) Thư ký khoa học lập Biên bản họp Hội đồng theo Biểu mẫu BM-08-BBHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

l) Hội đồng xem xét, thông qua Biên bản họp Hội đồng;

m) Trường hợp thành viên Hội đồng tham gia phiên họp bằng hình thức trực tuyến, thành viên có trách nhiệm gửi bản điện tử phiếu nhận xét và phiếu đánh giá cho thư ký hành chính trước khi Hội đồng tiến hành tổng hợp kết quả đánh giá để làm căn cứ tổng hợp. Bản giấy của các phiếu này được gửi đến thư ký hành chính trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc phiên họp để lưu hồ sơ.

3. Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng kiến nghị tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi đáp ứng điều kiện sau: Có hồ sơ được Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất trong số các hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Đối với các hồ sơ có điểm trung bình bằng nhau thì lấy theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

b) Ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;

c) Các trường hợp không theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này do Chủ tịch Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền) xem xét quyết định.

Điều 6. Thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp của Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có từ 03 đến 05 thành viên, gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung cần thẩm định, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính. Giúp việc cho Tổ thẩm định có thư ký hành chính.

2. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định

a) Thư ký hành chính có trách nhiệm gửi các tài liệu cho thành viên Tổ thẩm

định trước phiên họp ít nhất 03 ngày làm việc gồm: biên bản họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng; thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng; dự toán kinh phí chi tiết (không quá 05 trang); báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng; báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hiệu lực (nếu có); các tài liệu khác (nếu có).

b) Tổ thẩm định họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến; thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định;

c) Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ thẩm định; phiên họp của Tổ thẩm định phải có ít nhất 3/4 số thành viên Tổ thẩm định tham dự, trong đó phải có Tổ trưởng và thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến theo Biên bản Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có);

đ) Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ theo kết quả xét duyệt nhiệm vụ và nêu ý kiến thẩm định; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Đại diện tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức;

e) Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản họp thẩm định theo Biểu mẫu BM-09-BBTĐKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và công bố tại cuộc họp.

Điều 7. Hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá cuối kỳ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

2. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra

Tổ chức chủ trì chuẩn bị hồ sơ đánh giá và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức thành lập Tổ chuyên gia

a) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia có từ 05 đến 09 thành viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó, các thành viên khác và thư ký hành chính giúp việc Tổ chuyên gia;

b) Tổ chuyên gia họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

c) Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

c1) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia đánh giá, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc;

c2) Tổ trưởng hoặc Tổ phó (được Tổ trưởng ủy quyền) chủ trì điều hành phiên họp và phân công nhiệm vụ cho thành viên trong tổ; bầu một thành viên làm thư ký

khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Tổ;

c3) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c4) Các thành viên Tổ chuyên gia thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c5) Các thành viên Tổ chuyên gia trình bày ý kiến nhận xét thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-10-NXKQ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

c6) Tổ chuyên gia đánh giá, thảo luận kín (nếu cần);

c7) Các thành viên trong tổ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-11-ĐGNV; kết quả thực hiện cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-12-ĐGCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c8) Thư ký khoa học tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên Tổ chuyên gia vào biên bản kiểm phiếu theo Biểu mẫu BM-13-KPĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c9) Biên bản họp theo Biểu mẫu BM-14-BBĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được Tổ chuyên gia thông qua tại phiên họp;

c10) Căn cứ Biên bản họp, Tổ chuyên gia xây dựng báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

4. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hình thức thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn

a) Báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra nhiệm vụ của chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn thực hiện theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

b) Chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kết quả đánh giá và kiến nghị trong báo cáo đánh giá của mình.

Điều 8. Trình tự, thủ tục xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh

1. Xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan đề xuất) căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, lĩnh vực và của tỉnh; nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế; năng lực, điều kiện nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực xã hội của tỉnh

và chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh (sau đây gọi tắt là chương trình), gửi Sở Khoa học và Công nghệ (hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tự đề xuất theo thẩm quyền) để tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt;

b) Hồ sơ đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định chương trình theo quy định tại điểm g khoản này, thực hiện thẩm định chương trình theo các nội dung quy định tại điểm h khoản này và gửi báo cáo thẩm định chương trình theo Biểu mẫu BM-03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN đến cơ quan đề xuất;

d) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định chương trình, cơ quan đề xuất có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ chương trình gửi Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

đ) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hồ sơ hoàn thiện, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất và các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình;

e) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

g) Hội đồng thẩm định chương trình do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, thành phần gồm 09 - 15 thành viên, bao gồm đại diện các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường có liên quan (nếu cần) và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp;

h) Nội dung thẩm định bao gồm: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức triển khai thực hiện chương trình

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện tài trợ, đặt hàng, phê duyệt, quản lý và đánh giá các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của chương trình theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và quy định tại Quy định này;

b) Cơ quan chủ trì quản lý chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác của chương trình.

3. Đánh giá chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình thực hiện đánh giá chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

4. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện, kết quả triển khai chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được thay thế, bổ sung, sửa đổi thì thực hiện theo các quy định được thay thế, bổ sung, sửa đổi./.

Phụ lục

(*Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai*)

I. DANH MỤC BIỂU MẪU

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Phiếu đặt hàng nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/ chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-01-PĐHNV
2	Phiếu nhận xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-02-PNXNV
3	Phiếu nhận xét hồ sơ cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-03-PNXCNV
4	Phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-04-PĐGNV
5	Phiếu đánh giá hồ sơ cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-05-PĐGCNV
6	Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-06-BBKP
7	Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-07-KQKP
8	Biên bản họp hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-08-BBHĐ
9	Biên bản họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-09-BBTĐKP
10	Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ/ cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-10-NXKQ
11	Phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-11-ĐGNV
12	Phiếu đánh giá kết quả thực hiện cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-12-ĐGCNV
13	Biên bản kiểm phiếu đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-13-KPĐG
14	Biên bản họp Tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	BM-14-BBĐG

II. NỘI DUNG CÁC BIỂU MẪU

BM-01-PĐHNV

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẶT HÀNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổ chức đặt hàng: ……; Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)……..;

2. Tên nội dung đặt hàng: …….

3. Tính cấp thiết: ……

4. Mục tiêu: …….

5. Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:……

6. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí: ..... triệu đồng

+ Kinh phí hỗ trợ từ NSNN: ..... triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:..... triệu đồng, từ nguồn…….

Thời gian: ..... tháng…….

7. Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại/Email: .....

8. Tổ chức đặt hàng cam kết:

Cam kết việc tiếp nhận, tổ chức quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu và mô tả phương án tổ chức quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu.

……..

9. Cơ quan Nhà nước nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả (nếu có yêu cầu tiếp nhận): ……..

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ (nếu có)

1. Tên nhiệm vụ/ cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:……..

2. Thuộc lĩnh vực:

- Khoa học tự nhiên ☐ - Khoa học kỹ thuật và công nghệ ☐

- Khoa học y, dược ☐ - Khoa học nông nghiệp ☐

- Khoa học xã hội ☐ - Khoa học nhân văn ☐

- Công nghệ chiến lược ☐

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ (nếu có)

1. Nhiệm vụ 1: ……..

a) Loại hình nhiệm vụ [1]: …….

b) Tính cấp thiết của nhiệm vụ: …….

c) Mục tiêu: ……

d) Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:……

đ) Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:……

Tổng kinh phí: ..... triệu đồng…….

+ Kinh phí hỗ trợ từ NSNN:..... triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác: ..... triệu đồng, từ nguồn……

Thời gian: ..... tháng…….

e) Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức: .....

Mã định danh tổ chức: .....

2. Nhiệm vụ 2: …….....

…….

..., ngày ... tháng... năm 20...

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẶT HÀNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(1) Chọn 1 mục: *Nghiên cứu cơ bản*; *Nghiên cứu ứng dụng*; *Phát triển công nghệ*; *Phát triển giải pháp xã hội*

BM-02-PNXNV

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng năm 20…

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Ủy viên phản biện	☐
Ủy viên hội đồng	☐

1. Học hàm/Học vị - Họ và tên người nhận xét: .....

2. Tên nhiệm vụ: .....

.....

3. Tên tổ chức đăng ký chủ trì: .....

4. Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm: .....

5. Nhận xét theo các nhóm tiêu chí (đánh dấu vào 1 ô lựa chọn):

Nhóm tiêu chí	**Nhận xét của thành viên hội đồng**				
5.1. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ (kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu) và tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất…).	☐	☐	☐	☐	☐
- Năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (đội ngũ chính)	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:					
5.2. Tính cấp thiết và mục tiêu thực hiện nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**

Nhóm tiêu chí	Nhận xét của thành viên hội đồng				
- Việc luận giải chi tiết về tính cấp thiết thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng với yêu cầu đặt hàng và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính rõ ràng, cụ thể của mục tiêu và tính khả thi trong thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:					
5.3. Nội dung, phương pháp thực hiện nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu và sản phẩm.	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với các nội dung nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:					
5.4. Kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt đối với loại hình nhiệm vụ.	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp mới, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:					
5.5. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Phương thức, địa chỉ ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐

Nhóm tiêu chí	Nhận xét của thành viên hội đồng				
- Khả năng thị trường; phương án thương mại hóa; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (nếu có)	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:					
5.6. Hiệu quả và tác động của kết quả nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Dự kiến hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ (*Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025)*	☐	☐	☐	☐	☐
- Dự kiến tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Đánh giá dựa trên sự phù hợp của kết quả theo nội dung và tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025)*	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:					
5.7. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của nhiệm vụ và các khoản chi.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:					
5.8. Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Xác định, phân tích, đánh giá mức độ tác động với các loại rủi ro có thể xảy ra	☐	☐	☐	☐	☐
- Biện pháp đề xuất quản lý, kiểm soát, ứng phó đối với các loại rủi ro có thể xảy ra	☐	☐	☐	☐	☐

Nhóm tiêu chí	Nhận xét của thành viên hội đồng				
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 8:					
Tổng hợp	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
	☐	☐	☐	☐	☐

Nhận xét, kiến nghị:

……

……

……

……

……

NGƯỜI NHẬN XÉT
(ký, ghi rõ họ tên)

BM-03-PNXCNV

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng năm 20…

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Ủy viên phản biện	☐
Ủy viên hội đồng	☐

1. Học hàm/Học vị - Họ và tên người nhận xét: .....

2. Tên cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: .....

.....

3. Tên tổ chức đăng ký chủ trì: .....

4. Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm: .....

5. Danh mục các nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ

Tên nhiệm vụ thành phần 01: …….....

Tên nhiệm vụ thành phần 02: …….....

…….....

6. Nhận xét theo các nhóm tiêu chí (đánh dấu vào 1 ô lựa chọn):

Nhóm tiêu chí	**Nhận xét của thành viên hội đồng**				
6.1. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Tổ chức chủ trì (Năng lực điều phối, quản lý và kinh nghiệm triển khai các nhiệm vụ quy mô lớn, kinh nghiệm, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu) và tổ chức phối hợp chính thực hiện (kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất…).	☐	☐	☐	☐	☐
- Năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (đội ngũ chính)	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:					

Nhóm tiêu chí	Nhận xét của thành viên hội đồng				
6.2. Tính cấp thiết và mục tiêu thực hiện cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Việc luận giải chi tiết về tính cấp thiết thực hiện, sự cần thiết phải liên kết của các nhiệm vụ thành phần, đáp ứng với yêu cầu đặt hàng và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính rõ ràng, cụ thể của mục tiêu chung, mục tiêu của từng nhiệm vụ thành phần và tính khả thi trong thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:					
6.3. Nội dung, phương pháp thực hiện	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu và sản phẩm.	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với các nội dung nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:					
6.4. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thành phần	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Tính lôgic trong việc sắp xếp các mắt xích, trình tự triển khai các nhiệm vụ thành phần.	☐	☐	☐	☐	☐
- Sự kế thừa kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước phải là nguyên liệu/số liệu đầu vào nhiệm vụ sau và tính gối đầu về tiến độ thực hiện và sự trùng lặp nội dung giữa các nhiệm vụ.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:					
6.5. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**

Nhóm tiêu chí	Nhận xét của thành viên hội đồng				
- Đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt đối với loại hình nhiệm vụ.	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp mới, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:					
6.6. Khả năng thương mại hóa	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Nhận xét về tính sáng tạo, điểm vượt trội của công nghệ/quy trình/mô hình tổ chức của chuỗi so với các giải pháp hiện có trên thị trường và phương án thương mại hóa kết quả của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính khả thi của phương án ứng dụng thực tiễn của cả cụm/chuỗi nhiệm vụ	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:					
6.7. Hiệu quả và tác động	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**
- Dự kiến hiệu quả đầu ra đối với phát triển KH&CN mà cụm/chuỗi nhiệm vụ mang lại	☐	☐	☐	☐	☐
- Dự kiến tác động của kết quả thực hiện cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ đối với ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng, hội nhập quốc tế	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:					
6.8. Tổng kinh phí đề xuất	**Rất tốt**	**Tốt**	**Trung bình**	**Kém**	**Rất kém**

Nhóm tiêu chí	Nhận xét của thành viên hội đồng				
Dự toán phù hợp của tổng kinh phí với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ và các khoản chi.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 8:					

7. **Nhận xét cụ thể đối với các nhiệm vụ thành phần của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ):**

(Chuyên gia đưa ra ý kiến về việc giữ nguyên, chỉnh sửa hoặc loại bỏ mắt xích nào trong chuỗi)
.....

8. Nhận xét, kiến nghị:

……

……

……

……

NGƯỜI NHẬN XÉT
(ký, ghi rõ họ tên)

BM-04-PĐGNV

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày….tháng……năm .....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Chủ tịch ☐
Phó Chủ tịch ☐
Ủy viên phản biện ☐
Ủy viên hội đồng ☐

1. Học hàm/Học vị - Họ và tên người đánh giá: .....

2. Tên nhiệm vụ:.....

.....

3. Tên tổ chức đăng ký chủ trì: .....

4. Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm:.....

5. Đánh giá theo các nhóm tiêu chí (chọn 1 trong 5 mức điểm)

Nhóm tiêu chí đánh giá	*Chuyên gia đánh giá*					Hệ số	*Điểm*	∑	*Điểm tối đa*
	4	3	2	1	0				
5.1. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ									
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ (kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu) và tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất…).	☐	☐	☐	☐	☐	2			16
- Năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (đội ngũ chính)	☐	☐	☐	☐	☐	2			
5.2. Tính cấp thiết và mục tiêu thực hiện nhiệm vụ									
- Việc luận giải chi tiết về tính cấp thiết thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng với yêu cầu đặt hàng và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh	☐	☐	☐	☐	☐	2			12
- Tính rõ ràng, cụ thể của mục tiêu và tính khả thi trong thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐	1			

5.3. Nội dung, phương pháp thực hiện nhiệm vụ					
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu và sản phẩm.		3			20
- Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với các nội dung nghiên cứu.		2			
5.4. Kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ					
- Đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt đối với loại hình nhiệm vụ.		2			12
- Khả năng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp mới, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.		1			
5.5. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu					
- Phương thức, địa chỉ ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu		1			8
- Khả năng thị trường; phương án thương mại hóa; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (nếu có)		1			
5.6. Hiệu quả và tác động của kết quả nhiệm vụ					
- Dự kiến hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ (*Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025)*		2			16
- Dự kiến tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Đánh giá dựa trên sự phù hợp của kết quả theo nội dung và tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025)*		2			
5.7. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ					
- Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của nhiệm vụ và các khoản chi.		2			8
5.8. Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát					
- Xác định, phân tích, đánh giá mức độ tác động với các loại rủi ro có thể xảy ra		1			8
- Biện pháp đề xuất quản lý, kiểm soát, ứng phó đối với các loại rủi ro có thể xảy ra		1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp					**100**

5.9. Đánh giá mức độ rủi ro của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ

☐ Rủi ro thấp

☐ Rủi ro trung bình

☐ Rủi ro cao

<u>Nhận xét, kiến nghị:</u>

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(ký, ghi rõ họ tên)

BM-05-PĐGCNV

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày …… tháng…… năm .....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Chủ tịch ☐
Phó Chủ tịch ☐
Ủy viên phản biện ☐
Ủy viên hội đồng ☐

1. Học hàm/Học vị - Họ và tên người đánh giá: .....
2. Tên cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: .....
.....
3. Tên tổ chức đăng ký chủ trì: .....
4. Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm: .....
5. Danh mục các nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ
Tên nhiệm vụ thành phần 01: ……..
Tên nhiệm vụ thành phần 02: ……..

6. Đánh giá theo các nhóm tiêu chí (chọn 1 trong 5 mức điểm)

Nhóm tiêu chí đánh giá	***Chuyên gia đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
6.1. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện									
- Tổ chức chủ trì (Năng lực điều phối, quản lý và kinh nghiệm triển khai các nhiệm vụ quy mô lớn, kinh nghiệm, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu) và tổ chức phối hợp chính thực hiện (kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất…).	☐	☐	☐	☐	☐	2			16
- Năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (đội ngũ chính)	☐	☐	☐	☐	☐	2			
6.2. Tính cấp thiết và mục tiêu thực hiện cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ									
- Việc luận giải chi tiết về tính cấp thiết thực hiện, sự cần thiết phải liên kết của các nhiệm vụ thành phần, đáp ứng với yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐	2			

và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh					12
- Tính rõ ràng, cụ thể của mục tiêu chung, mục tiêu của từng nhiệm vụ thành phần và tính khả thi trong thực hiện.		1			
6.3. Nội dung, phương pháp thực hiện					20
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu và sản phẩm.		3			
- Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với các nội dung nghiên cứu.		2			
6.4. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thành phần					
- Tính lôgic trong việc sắp xếp các mắt xích, trình tự triển khai các nhiệm vụ thành phần.		2			12
- Sự kế thừa kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước phải là nguyên liệu/số liệu đầu vào nhiệm vụ sau và tính gối đầu về tiến độ thực hiện và sự trùng lặp nội dung giữa các nhiệm vụ.		1			
6.5. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá					12
- Đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt đối với loại hình nhiệm vụ.		2			
- Khả năng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp mới, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.		1			
6.6. Khả năng thương mại hóa					8
- Nhận xét về tính sáng tạo, điểm vượt trội của công nghệ/quy trình/mô hình tổ chức của chuỗi so với các giải pháp hiện có trên thị trường và phương án thương mại hóa kết quả của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ.		1			
- Tính khả thi của phương án ứng dụng thực tiễn của cả cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ		1			
6.7. Hiệu quả và tác động					12
- Dự kiến hiệu quả đầu ra đối với phát triển KH&CN mà cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ mang lại (Theo Khoản 1 Điều 17 Nghị định 267/2025/NĐ-CP)		2			
- Dự kiến tác động của kết quả thực hiện cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ đối với ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội, môi trường, an ninh-quốc phòng, hội nhập quốc tế		1			

(Theo Điều 18 Nghị định 267/2025/NĐ-CP)					
6.8. Tổng kinh phí đề xuất					
Dự toán phù hợp của tổng kinh phí với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ và các khoản chi.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			8
Ý kiến đánh giá tổng hợp					**100**

7. Đánh giá cụ thể đối với các nhiệm vụ thành phần:

Nhiệm vụ 01: ☐ Giữ nguyên | ☐ Chỉnh sửa | ☐ Loại bỏ

Nhiệm vụ 02: ☐ Giữ nguyên | ☐ Chỉnh sửa | ☐ Loại bỏ

……

8. Đánh giá mức độ rủi ro của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ

☐ Rủi ro thấp

☐ Rủi ro trung bình

☐ Rủi ro cao

9. Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(ký, ghi rõ họ tên)

BM-06-BBKP

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng năm .....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: .....

.....

2. Tên tổ chức đề nghị xét tài trợ, đặt hàng:.....

3. Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm: .....

Số phiếu phát ra: ……. Số phiếu thu về: ……..

Số phiếu hợp lệ: …….. Số phiếu không hợp lệ: ……...

TT	Ủy viên	Nhóm tiêu chí đánh giá								Tổng số điểm
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6	Nhóm 7	Nhóm 8	
1	Chủ tịch Hội đồng									
2	Phó Chủ tịch Hội đồng									
3	Ủy viên phản biện 1									
4	Ủy viên phản biện 2									
5	Ủy viên Hội đồng									
6	Ủy viên Hội đồng									
7	Ủy viên Hội đồng									
…										
	Tổng số điểm trung bình									

TT	Ủy viên	Mức độ rủi ro của việc triển khai thực hiện		
		Rủi ro thấp	***Rủi ro trung bình***	***Rủi ro cao***
1	Chủ tịch			
2	Phó Chủ tịch			
3	Ủy viên phản biện 1			
4	Ủy viên phản biện 2			
5	Ủy viên			

6	**.....**				
7					
8					
9					
....	**.....**				

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

BM-07-KQKP

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT
TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng năm .....

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:

……..

……..

TT	**Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì**	**Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng** (theo thứ tự từ cao đến thấp)	**Mức độ rủi ro của việc triển khai thực hiện**
Hồ sơ 1	**Tổ chức:** **Cá nhân:**		Số phiếu....rủi ro thấp/.....rủi ro TB/.... rủi ro cao
Hồ sơ 2	**Tổ chức:** **Cá nhân:**		
...	.....	.....	

Các thành viên ban kiểm phiếu	**Trưởng ban kiểm phiếu** *(Họ tên và chữ ký)*

BM-08-BBHĐ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
HỘI ĐỒNG XÉT
TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số...../QĐ-SKHCN ngày...../...../20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
3. Địa điểm và thời gian: ....., ngày ...../..... /20...
4. Thành phần Hội đồng
Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên ...../.....người. Vắng mặt ..... người, gồm các thành viên:

5. Đại biểu tham dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Danh sách các hồ sơ tham gia xét tài trợ/đặt hàng:
6.1. Tổ chức A: ..... | Chủ nhiệm: .....

6.2. Tổ chức B: ..... | Chủ nhiệm: .....

6.3.....

7. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà ..... là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng *(ghi chép của thư ký khoa học):*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

(chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự trong Phụ lục kèm theo)

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu (*đối với trường hợp dùng phiếu dạng giấy*) với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Hai thành viên: .....

.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu ……, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây đủ điều kiện tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ nêu trên.

- Tên tổ chức: .....
- Họ và tên cá nhân: .....

D. Kết luận, kiến nghị của Hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: .....

(2) Mục tiêu: .....

(3) Các nội dung chính thực hiện: .....

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: .....

(5) Số lượng thành viên cần thiết tham gia thực hiện: .....

(6) Dự kiến mức trần kinh phí thực hiện: ……

(Dự toán chi tiết kinh phí sẽ được thông qua bởi Tổ thẩm định kinh phí).

(7) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu ☐

(8) Mức độ rủi ro thực hiện nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:

☐ Rủi ro thấp

☐ Rủi ro trung bình

☐ Rủi ro cao

4. Các kiến nghị khác (nếu có): ……

Biên bản được lập xong lúc …. h….., ngày … tháng … năm … và đã được Hội đồng nhất trí thông qua.

THƯ KÝ KHOA HỌC	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục
Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ ĐẠI BIỂU

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

THƯ KÝ KHOA HỌC
(Họ, tên và chữ ký)

BM-09-BBTĐKP

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:

……

…

2. Tổ chức chủ trì:

……

…

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:

……

…

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm: …….

- Thời gian: ……giờ, ngày…… tháng……năm……

5. Tổ thẩm định

Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên ...../.....người. Vắng mặt ..... người, gồm các thành viên:

6. Đại biểu tham dự:

TT	Họ và tên	Chức vụ - Đơn vị công tác

1		
…		

B. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Về dự toán kinh phí:

……

……

……

2. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:

……

…

3. Về tổng kinh phí cần thiết: ..... *triệu đồng*

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: ..... *triệu đồng*
- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: ..... *triệu đồng*

4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

Đơn vị: triệu đồng

TT	**Nội dung các khoản chi**	**Kinh phí đề xuất của đơn vị**		**Kinh phí theo ý kiến Thành viên Tổ**		
		Ngân sách nhà nước	**Ngoài ngân sách nhà nước**	**Ngân sách nhà nước**		**Ngoài ngân sách nhà nước**
				Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	
1	Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ					
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài					
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật					
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản					
5	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị					

6	Dịch vụ thuê ngoài					
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
8	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn					
9	Chi công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế					
10	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ					
11	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài					
12	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ					
13	Công tác quản lý chung nhiệm vụ					
14	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ					
	Tổng cộng					

C. Kiến nghị:

1. Phương thức thực hiện:

☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

☐ Khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: …… *triệu đồng;*
- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: ……*triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

……

……

……

……

……

……

Biên bản được lập xong lúc……. giờ, ngày ……tháng……năm…… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua./.

Tổ trưởng (*Ký, ghi rõ họ tên*)		**Thư ký** (*Ký, ghi rõ họ tên*)
Thành viên (*Ký, ghi rõ họ tên*)	**Thành viên** (*Ký, ghi rõ họ tên*)	**Thành viên** (*Ký, ghi rõ họ tên*)

CÁC Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH

(Thư ký Tổ thẩm định ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

THƯ KÝ TỔ THẨM ĐỊNH

(ký và ghi rõ họ tên)

BM-10-NXKQ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày…. tháng … năm …….

PHIẾU NHẬN XÉT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Tổ trưởng: ☐

Tổ phó: ☐

Thành viên của tổ: ☐

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:
2. Mã số (nếu có):
3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
5. Họ và tên người nhận xét *(chức danh khoa học, học vị):*
6. Ngày nhận Hồ sơ: *ngày …… tháng …… năm 20….*
7. Nhận xét:

7.1. Về báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Về cấu trúc, bố cục của báo cáo; khái niệm, thuật ngữ, văn phong dùng trong báo cáo; mức độ rõ ràng, lôgic, tính khoa học, đầy đủ của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các tài liệu cần thiết kèm theo (bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, tài liệu trích dẫn, xác nhận, công nhận, công bố...)

- Tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ; phân tích, luận cứ, lập luận khoa học; mức độ tiên tiến, hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

- Tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng trong các báo cáo khoa học

** Đối với cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: Nhận xét tính lôgic và sự kết nối giữa các nhiệm vụ thành phần; mức độ thể hiện tính xuyên suốt từ mục tiêu tổng quát đến kết quả cụ thể của từng mắt xích trong chuỗi.*

7.2. Về mức độ đạt được về số lượng, chất lượng của các sản phẩm dạng I, IV

(Phân tích, đánh giá theo mức độ đạt được của các sản phẩm bài báo, sách chuyên khảo và các sản phẩm khác; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng so với đăng ký trong Hợp đồng; Đối với cụm/chuỗi nhiệm vụ: Đánh giá sự phân bổ và đóng góp của các sản phẩm thành phần vào uy tín khoa học chung của toàn chuỗi).

7.3. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm dạng II, III so với Hợp đồng:

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm dạng II, III …

- Nhận xét về số lượng, khối lượng sản phẩm dạng II, III đạt chất lượng

7.4. Về chất lượng các sản phẩm dạng II, III đạt được so với Hợp đồng:

- Mức độ đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo Hợp đồng của từng loại sản phẩm.

- Tính mới, tính tiên tiến của chất lượng sản phẩm.

- Giá trị về khoa học, ý nghĩa thực tiễn của sản phẩm.

- Đối với cụm/chuỗi nhiệm vụ: Nhận xét về sự khớp nối kỹ thuật (đầu ra của nhiệm vụ này có đáp ứng tiêu chuẩn làm đầu vào cho nhiệm vụ tiếp theo hay không); tính đồng bộ của hệ thống sản phẩm trong cụm hoặc chuỗi.

7.5. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, bồi dưỡng nguồn nhân lực

(Phân tích, nhận xét về kết quả đào tạo: số lượng thạc sĩ, tiến sĩ; kết quả đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với dự án sản xuất thử nghiệm so với Hợp đồng)

7.6. Số lượng, chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng.

(Phân tích, nhận xét, đánh giá mức độ vượt chỉ tiêu về số lượng, chất lượng của sản phẩm được đăng ký trong hợp đồng, có tác động đột phá đối với khoa học, kinh tế, xã hội và môi trường)

7.7. Nhận xét về Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát của nhiệm vụ

(Nhận xét về tính mới, độ phức tạp của nội dung nghiên cứu dẫn đến các rủi ro khách quan (nếu có); Đánh giá sự phù hợp của các bước thực nghiệm, quy trình kỹ thuật đã triển khai so với thuyết minh, xác nhận nhóm thực hiện đã làm đúng, đủ trách nhiệm; Phân tích nguyên nhân của các chỉ tiêu chưa đạt do yếu tố khách quan, giới hạn công nghệ hay biến động thực tiễn... và kiến nghị về việc miễn trừ trách nhiệm/không thu hồi kinh phí)

7.8. Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường

(Phân tích về kết quả ứng dụng trong thực tiễn, tác động về kinh tế, xã hội và môi trường; hiệu quả kinh tế trực tiếp; tạo ngành nghề mới, tạo việc làm, cải thiện môi trường …; Đối với cụm/chuỗi nhiệm vụ: Tập trung đánh giá Hiệu quả cộng hưởng – những giá trị và tác động lớn mà nếu thực hiện các nhiệm vụ riêng lẻ sẽ không thể đạt được).

8. Yêu cầu bổ sung hồ sơ, tài liệu phục vụ phiên họp của Tổ chuyên gia (nếu có)

(*Nêu rõ các nội dung, tài liệu cần bổ sung làm rõ để Tổ chức chủ trì giải trình*)

NGƯỜI NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

BM-11-ĐGNV

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày…. tháng … năm ……

Tổ trưởng: ☐
Tổ phó: ☐
Thành viên của tổ: ☐

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. **Thông tin chung về nhiệm vụ**:
   - Tên nhiệm vụ:
   - Mã số nhiệm vụ (nếu có):
   - Loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
   - Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
   - Chủ nhiệm nhiệm vụ:
2. **Người đánh giá:**
   - Họ và tên:
   - Chức danh khoa học, học vị:
3. **Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

Số TT	***Nội dung đánh giá***	***Điểm tối đa***	***Điểm đánh giá của chuyên gia***
1	Về báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (*Đánh giá, chấm điểm theo mức độ đầy đủ, hợp lý, khoa học của báo cáo tổng hợp nhiệm vụ KH&CN và tài liệu cần thiết kèm theo như: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu hướng dẫn…Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lôgic)*	**20**	
2	Mức độ đạt được về số lượng và chất lượng của sản phẩm dạng I, IV so với hợp đồng (*Đạt điểm tối đa khi đạt yêu cầu so với Hợp đồng hoặc được Hội đồng xác nhận rủi ro khách quan/tính mới theo NĐ 267/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025*)	**5**	
3	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm dạng II, III so với Hợp đồng *(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng các sản phẩm đạt yêu cầu so với Hợp đồng).*	**25**	
4	Mức chất lượng của các sản phẩm dạng II, III đạt được so với Hợp đồng *(Đạt điểm tối đa khi chất lượng các sản phẩm đạt yêu cầu so với Hợp đồng. Đánh giá tính tiên tiến. Chấp nhận các kết quả thực nghiệm không đạt mục tiêu ban đầu nếu chứng minh được đã **đúng quy trình và đã có hướng xử lý**)*	**30**	

5	Kết quả tham gia đào tạo và/hoặc bồi dưỡng nguồn nhân lực (*Đạt điểm tối đa khi đạt yêu cầu so với Hợp đồng*)	**5**	
6	Đánh giá về tổ chức thực hiện theo tiến độ: + Không gia hạn thời gian thực hiện: 5 điểm. + Gia hạn thời gian thực hiện 01 lần: 3 điểm. + Gia hạn thời gian thực hiện từ 02 lần trở lên: 0 điểm.	5	
7	Đánh giá về sản phẩm vượt trội và giá trị đóng góp: (*Sản phẩm được ứng dụng trong thực tiễn/công bố quốc tế có chất lượng cao/sản phẩm về sở hữu trí tuệ hoặc sản phẩm khác được hội đồng đánh giá vượt trội so với hợp đồng về số lượng, chất lượng; các dữ liệu thực nghiệm giá trị rút ra từ rủi ro/thất bại giúp định hướng lại hướng đi cho ngành)*	10	
	Cộng	**100**	

4. Đánh giá tình trạng vi phạm các quy định:

+ Trừ đến 5 điểm đối với nhiệm vụ nộp hồ sơ đánh giá muộn từ 01 đến 03 tháng;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của nhiệm vụ (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền): trừ tối đa đến 15 điểm.

5. Tổng số điểm (mục 3 trừ mục 4) (tối đa là 100 điểm): ..… điểm

6. Xếp loại nhiệm vụ *(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp)***:**

- **Xuất sắc:** ☐

Khi tổng số điểm đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

☐ Hoàn thành theo hợp đồng;

☐ Không gia hạn thời gian thực hiện;

☐ Có sản phẩm vượt trội.

- **Đạt:** ☐

Khi tổng số điểm đạt từ 70 điểm trở lên.

- **Không đạt**: ☐

Khi có tổng số điểm đạt dưới 70 điểm.

7. Đánh giá về Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát của nhiệm vụ

Đây là căn cứ pháp lý để không thu hồi kinh phí đối với các nội dung chưa đạt chỉ tiêu:

Xác nhận nỗ lực: Nhóm thực hiện đã triển khai đầy đủ, tận tụy, trung thực và đúng quy trình thực nghiệm theo Thuyết minh/Hợp đồng:

☐ Có

☐ Không

Tính chất rủi ro: Các chỉ tiêu chưa đạt là do rủi ro khách quan/tính mới công nghệ/biến động không thể lường trước:

☐ Có

☐ Không

8. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Họ, tên và chữ ký)

BM-12-ĐGCNV

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÀO CAI
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày…. tháng … năm ……

Tổ trưởng: ☐
Tổ phó: ☐
Thành viên của tổ: ☐

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. **Thông tin chung về cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ**:
   - Tên cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:
   - Mã số (nếu có):
   - Tổ chức chủ trì:
   - Chủ nhiệm cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:
2. **Người đánh giá:**
   - Họ và tên:
   - Chức danh khoa học, học vị:
3. **Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

Số TT	***Nội dung đánh giá***	***Điểm tối đa***	***Điểm đánh giá của chuyên gia***
1	Về báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (*Đánh giá, chấm điểm theo mức độ đầy đủ, hợp lý, khoa học của các báo cáo thành phần và Báo cáo tổng kết chung của cả cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ KH&CN; tính lôgic của hệ thống tài liệu kèm theo; đánh giá được mối liên kết giữa các nhiệm vụ, Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lôgic)*	**15**	
2	Mức độ đạt được về số lượng và chất lượng của sản phẩm dạng I, IV so với hợp đồng (*Đạt điểm tối đa khi đạt yêu cầu so với Hợp đồng hoặc được Hội đồng xác nhận rủi ro khách quan/tính mới theo Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 và tính tổng hợp kết quả đạt được của tất cả nhiệm vụ thành phần so với cam kết chung của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ*)	**5**	
3	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm dạng II, III so với Hợp đồng *(Đánh giá sự hoàn thiện của hệ thống danh mục sản phẩm trong toàn bộ các mắt xích của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ. Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng các sản phẩm đạt yêu cầu so với Hợp đồng).*	**15**	
4	Mức chất lượng của các sản phẩm dạng II, III đạt được so với Hợp đồng *(Đạt điểm tối đa khi chất lượng các sản phẩm đạt yêu cầu so với Hợp đồng. Đánh giá chất lượng từng sản phẩm và tính tương thích/khớp nối kỹ thuật giữa các sản phẩm trong cụm/chuỗi nhiệm vụ. Đánh giá tính tiên tiến và sự nỗ lực khi gặp rủi ro khách quan, công nghệ. Chấp*	**25**	

	*nhận các kết quả thực nghiệm không đạt mục tiêu ban đầu nếu chứng minh được đã **đúng quy trình và đã có hướng xử lý**)*		
5	Hiệu quả cộng hưởng và tác động thực tiễn của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ *(Phân tích giá trị gia tăng tổng thể, tác động kinh tế - xã hội lan tỏa của cả chuỗi mà các nhiệm vụ riêng lẻ không đạt được; mức độ giải quyết vấn đề lớn của ngành/địa phương)*	**20**	
6	Kết quả tham gia đào tạo và/hoặc bồi dưỡng nguồn nhân lực (*Đạt điểm tối đa khi đạt yêu cầu so với Hợp đồng*)	**5**	
7	Đánh giá về tổ chức thực hiện theo tiến độ: + Không gia hạn thời gian thực hiện: 5 điểm. + Gia hạn thời gian thực hiện 01 lần: 3 điểm. + Gia hạn thời gian thực hiện từ 02 lần trở lên: 0 điểm.	5	
8	Đánh giá về sản phẩm vượt trội và giá trị đóng góp: (*Sản phẩm được ứng dụng trong thực tiễn/công bố quốc tế có chất lượng cao/sản phẩm về sở hữu trí tuệ hoặc sản phẩm khác được hội đồng đánh giá vượt trội so với hợp đồng về số lượng, chất lượng; các dữ liệu thực nghiệm giúp định hướng lại mục tiêu, hướng đi cho ngành, chuỗi giá trị)*	10	
	Cộng	**100**	

4. Đánh giá tình trạng vi phạm các quy định:

+ Trừ đến 5 điểm đối với nhiệm vụ nộp hồ sơ đánh giá muộn từ 01 đến 03 tháng;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền): trừ tối đa đến 15 điểm.

5. Tổng số điểm (mục 3 trừ mục 4) (tối đa là 100 điểm): ..… điểm

6. Xếp loại cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ *(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp)***:**

- **Xuất sắc:** ☐

Khi tổng số điểm đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

☐ Hoàn thành theo hợp đồng;

☐ Không gia hạn thời gian thực hiện;

☐ Có sản phẩm vượt trội.

- **Đạt:** ☐

Khi tổng số điểm đạt từ 70 điểm trở lên.

- **Không đạt**: ☐

Khi có tổng số điểm đạt dưới 70 điểm.

7. Đánh giá về Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát của cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ

Đây là căn cứ pháp lý để không thu hồi kinh phí đối với các nội dung chưa đạt chỉ tiêu:

Xác nhận nỗ lực: Nhóm thực hiện đã triển khai đầy đủ, tận tụy, trung thực và đúng quy trình thực nghiệm, Đơn vị chủ trì chuỗi đã thực hiện đúng trách nhiệm điều phối, kết nối các mắt xích theo Thuyết minh/Hợp đồng:

☐ Có

☐ Không

Tính chất rủi ro và tác động dây chuyền: Các chỉ tiêu chưa đạt là do rủi ro khách quan/tính mới công nghệ/biến động không thể lường trước; Đoàn đánh giá xác nhận rủi ro tại một

nhiệm vụ thành phần là nguyên nhân khách quan dẫn đến việc chưa hoàn thành mục tiêu tổng thể của cả chuỗi (nếu có):

☐ Có

☐ Không

8. Biện pháp kiểm soát và khắc phục:

Đơn vị chủ trì đã chủ động nhận diện rủi ro và có biện pháp điều chỉnh quy trình phối hợp để giảm thiểu thiệt hại cho các nhiệm vụ thành phần còn lại:

☐ Có

☐ Không

9. Ý kiến đánh giá khác (nếu có)

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Họ, tên và chữ ký)

BM-13-KPĐG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày ..... tháng ... năm .....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ
NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Thông tin chung về nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:
- Mã số (nếu có):
- Thuộc Chương trình:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

2. Kết quả đánh giá nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ

- Số phiếu phát ra: …… - Số phiếu thu về: ……
- Số phiếu hợp lệ: …… - Số phiếu không hợp lệ: ……

Họ và tên thành viên Đoàn đánh giá	Điểm đánh giá	Ghi chú
Thành viên 1		
Thành viên 2		
…		
Tổng số điểm trung bình		

3. Xếp loại nhiệm vụ *(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp)*:

- **Xuất sắc:** ☐

  Khi tổng số điểm đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

  ☐ Hoàn thành theo hợp đồng;

  ☐ Không gia hạn thời gian thực hiện;

  ☐ Có sản phẩm vượt trội.

- **Đạt:** ☐

  Khi tổng số điểm đạt từ 70 điểm trở lên.

- **Không đạt**: ☐

  Khi có tổng số điểm đạt dưới 70 điểm.

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Tổ trưởng
(Họ, tên và chữ ký)

BM-14-BBĐG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÀO CAI
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày ..... tháng ... năm .....

BIÊN BẢN HỌP TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ
NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:……..

Mã số (nếu có):

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia:

Số: /QĐ-SKHCN ngày …/…./20..… của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai.

3. Địa điểm và thời gian họp Tổ chuyên gia:

Thời gian:

- Bắt đầu:
- Kết thúc:

Địa điểm:

4. Số thành viên Tổ chuyên gia có mặt trên tổng số thành viên của tổ:

Vắng mặt: người, gồm:

…….. …….. ……..

…….. …….. ……..

5. Khách mời tham dự:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
…		

II. Nội dung làm việc của Tổ chuyên gia

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia đánh giá, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc;

2. Tổ trưởng (hoặc Tổ phó) điều khiển phiên họp đánh giá và phân công nhiệm vụ cho thành viên trong tổ; bầu một thành viên làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Tổ:

- Thông qua chương trình làm việc của Tổ chuyên gia;
- Bầu thư ký khoa học tổ chuyên gia;

3. Tổ chuyên gia đánh giá chủ trì và phân công nhiệm vụ cho thành viên trong tổ;

4. Chủ nhiệm hoặc đại diện đơn vị chủ trì trình bày tóm tắt tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

5. Các thành viên tổ chuyên gia thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ;

6. Các thành viên của tổ chuyên gia trình bày ý kiến nhận xét; thư ký hành chính đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

7. Các thành viên của tổ chuyên gia, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm tại mẫu phiếu đánh giá theo quy định;

8. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên;

9. Kết luận của Tổ chuyên gia về các nội dung đánh giá:

9.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với Hợp đồng:

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với Hợp đồng *(Trường hợp có sai lệch do rủi ro khách quan/tính mới công nghệ, Tổ chuyên gia đánh giá ghi nhận dựa trên khối lượng công việc thực tế đã triển khai tận tụy)*:

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ, bao gồm cả các dữ liệu thực nghiệm giá trị rút ra từ rủi ro/thất bại (nếu có):

9.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Tổ chuyên gia đánh giá xác nhận các chỉ tiêu chưa đạt (nếu có) là kết quả của rủi ro khoa học khách quan, nằm ngoài khả năng dự báo mặc dù nhóm nghiên cứu đã nỗ lực thực hiện đúng quy trình)*:

9.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Tổ chuyên gia ở mức sau *(đánh √ vào ô tương ứng)*:

` ☐ Xuất sắc ☐ Đạt ☐ Không đạt

b) Phần luận giải của Tổ chuyên gia về kết quả đánh giá, xếp loại *(chọn √ vào ô tương ứng và luận giải)*:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "xuất sắc" bởi những lý do cụ thể dưới đây:……

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây: *Đối với các nội dung chưa đạt chỉ tiêu: Tổ chuyên gia đánh giá xác nhận nhóm nghiên cứu đã thực hiện đúng quy trình, tận tụy, trung thực. Các sai lệch là do rủi ro khoa học khách quan/biến động theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, kiến nghị cơ quan chủ quản chấp nhận rủi ro và không thu hồi kinh phí (nếu có)*……

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "không đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây:……

(*Chi tiết đánh giá về nội dung công việc và sản phẩm tại Phụ lục kèm theo biên bản*)

9.4. Kiến nghị của Tổ chuyên gia:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở những vấn đề sau (nếu có):

b) (Cơ quan chủ quản) … nghiệm thu các sản phẩm dưới đây (bao gồm các sản phẩm đạt chỉ tiêu và các sản phẩm ghi nhận dưới dạng rủi ro khoa học cho phép):

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu tài trợ, đặt hàng, Hợp đồng và các sản phẩm được chấp nhận rủi ro khoa học (nếu có):

STT	Tên sản phẩm	Ghi chú
1		
2		
…		

c) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

d) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Biên bản họp Tổ chuyên gia được thông qua với sự thống nhất của các thành viên của tổ dự họp vào …..... ngày ….. tháng ….. năm….

Tổ trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Các thành viên Tổ chuyên gia

(Ký, ghi rõ họ tên)

** Đối với cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: Tổ chuyên gia cần phân tích rõ tính lôgic và sự kết nối giữa các sản phẩm thành phần. Trường hợp có sai lệch chỉ tiêu do rủi ro từ một mắt xích khách quan ảnh hưởng đến tiến độ chung của toàn cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ, Tổ chuyên gia cần ghi nhận cụ thể tại mục 9.2 và 9.3 để làm cơ sở cho việc chấp nhận rủi ro cho phép.*

sPhụ lục Biên bản họp Tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ
nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

KẾT LUẬN VỀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC, SẢN PHẨM CHƯA ĐẠT HOẶC CHƯA THỰC HIỆN THEO HỢP ĐỒNG

(Chỉ dùng trong trường hợp nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ được xếp loại "không đạt")

1. Về nội dung công việc

- Các công việc đã thực hiện nhưng chưa đạt:

STT	Công việc
1	Nội dung
1.1	Công việc: …
1.2	Công việc:…
n	….

- Các công việc chưa thực hiện:

STT	Công việc
1	Nội dung
1.1	Công việc: …
1.2	Công việc:…
n	….

2. Về sản phẩm không đạt so với hợp đồng

STT	Sản phẩm	Lý do *(nêu rõ lý do khách quan, chủ quan)*
1		
2		
…		

Thư ký khoa học *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Tổ trưởng *(Ký, ghi rõ họ tên)*

** Đối với cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: cần xác định rõ nhiệm vụ thành phần nào hoặc khâu kết nối nào chưa đạt. Đánh giá cụ thể sự tác động của nội dung/sản phẩm không đạt đó đến mục tiêu chung của cả cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ.*